

BÁO CÁO

**Kết quả triển khai thực hiện Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025
của Ban Bí thư và Quyết định số 534/QĐ-TTg ngày 31/3/2026
của Thủ tướng chính phủ về việc chấn chỉnh lề lối làm việc và nâng cao
hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị 06 tháng đầu năm 2026
trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

Thực hiện Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư về chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong 06 tháng đầu năm 2026, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai đồng bộ nhiều nhiệm vụ, giải pháp nhằm đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu và chất lượng thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Trong bối cảnh tỉnh tiếp tục vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, yêu cầu về đổi mới lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả xử lý công việc, khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, chậm trễ trong giải quyết nhiệm vụ được đặt ra ngày càng cao. Với sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, công tác chấn chỉnh lề lối làm việc trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực; kỷ luật, kỷ cương hành chính tiếp tục được tăng cường; phương thức làm việc từng bước được đổi mới theo hướng khoa học, hiện đại; hiệu quả chỉ đạo, điều hành và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng được nâng lên. Kết quả thực hiện công tác chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh trong 06 tháng đầu năm 2026 được thể hiện trên các nội dung sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI

- Trên cơ sở Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư về chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản¹ lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện; yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung của Kết luận, bảo đảm thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trên phạm vi toàn tỉnh.

¹ Công văn số 382-CV/TU ngày 17/12/2025 của Tỉnh ủy Nghệ An về việc triển khai Kết luận số 226-KL/TW của Ban Bí thư; Công văn số 14275/UBND-TH ngày 22/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thực hiện khai Kết luận số 226-KL/TW của Ban Bí thư

Để chủ động thực hiện nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 333/KH-UBND ngày 04/5/2026 triển khai Quyết định số 534/QĐ-TTg ngày 31/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ để triển khai thống nhất trên địa bàn tỉnh, gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Kế hoạch đề ra 18 nhiệm vụ trọng tâm, tính đến thời điểm này đã hoàn thành 10/18 nhiệm vụ, đạt 55,6% so với kế chỉ tiêu đề ra. Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao thành chương trình, kế hoạch công tác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn; đồng thời lồng ghép với các nhiệm vụ chính trị trọng tâm năm 2026, bảo đảm triển khai đồng bộ, hiệu quả và đúng tiến độ.

- Trong 6 tháng đầu năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức 06 phiên họp thường kỳ cùng nhiều hội nghị chuyên đề để chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, chuyển đổi số và triển khai Kết luận số 226-KL/TW. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên tổ chức giao ban, kiểm điểm tiến độ thực hiện nhiệm vụ; chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện nghiêm nguyên tắc “6 rõ” gồm: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả và rõ thẩm quyền; gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện nhiệm vụ;

- Công tác thông tin, tuyên truyền được triển khai thường xuyên, liên tục thông qua Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Báo và Phát thanh - Truyền hình Nghệ An, hệ thống thông tin cơ sở và các nền tảng số. Nội dung tuyên truyền tập trung phổ biến, quán triệt các chủ trương, nhiệm vụ và kết quả thực hiện Kết luận số 226-KL/TW và Quyết định số 534/QĐ-TTg. Nhiều tin, bài, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự được đăng tải, phát sóng, tạo sức lan tỏa tích cực, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và tạo sự đồng thuận trong Nhân dân. Một số nội dung tuyên truyền nổi bật như: “Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành kế hoạch đổi mới mạnh mẽ hoạt động hội họp”; “Quán triệt, thực hiện nghiêm túc việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động tại cơ quan, đơn vị”; “Chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh”; cùng nhiều tin, bài phản ánh kết quả cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp...;

- Trong quá trình triển khai thực hiện, tỉnh đã chủ động áp dụng nhiều mô hình, giải pháp đổi mới trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Nổi bật là việc tăng cường giao nhiệm vụ theo nguyên tắc “6 rõ”; thành lập các Tổ công tác do lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách để thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các sở, ngành, địa phương và doanh nghiệp; kịp thời xử lý các nhiệm vụ trọng tâm, hạn chế tình trạng chậm trễ, đùn đẩy trách nhiệm trong thực thi công vụ.

Bên cạnh đó, tỉnh tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành; tăng cường sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số, họp trực tuyến, họp không giấy tờ và xử lý công việc trên môi trường mạng. Việc rà soát, hoàn thiện quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ, phân định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị được thực hiện đồng bộ, bảo đảm hoạt động thông suốt, hiệu quả. Trong lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính, việc đẩy mạnh số hóa hồ sơ, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp đã tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Các mô hình, giải pháp nêu trên đã góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, cải thiện chất lượng tham mưu, rút ngắn thời gian giải quyết công việc và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về đổi mới, nâng cao chất lượng công tác ban hành văn bản

- Công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết tắt QPPL) được triển khai nghiêm túc, bảo đảm đúng trình tự, thủ tục, chất lượng và tiến độ theo quy định. Ngay từ đầu năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương đăng ký chương trình xây dựng nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh và xây dựng các văn bản quy định chi tiết theo thẩm quyền; đồng thời thường xuyên đôn đốc, rà soát, bảo đảm tiến độ thực hiện.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã Kế hoạch số 722/KH-UBND ngày 13/9/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; giao Sở Tư pháp thường xuyên theo dõi, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện.

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/5/2026, tỉnh đã ban hành 02 nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và 32 quyết định QPPL của Ủy ban nhân dân tỉnh. Các văn bản được xây dựng, ban hành đúng quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và khả thi.

Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp tham mưu thực hiện các báo cáo, rà soát, đánh giá về xây dựng pháp luật, phân cấp, phân quyền, ủy quyền, vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp và cải thiện Chỉ số pháp luật (PLI), qua đó kịp thời đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

- Công tác truyền thông chính sách, phổ biến các văn bản QPPL mới được quan tâm thực hiện. Ủy ban nhân dân tỉnh đã cung cấp, thông tin kịp thời các chính sách mới và văn bản QPPL của tỉnh đến các cơ quan báo chí, góp phần nâng

cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và tạo sự đồng thuận trong quá trình tổ chức thực hiện;

- Công tác rà soát văn bản QPPL được quan tâm thực hiện, trên cơ sở kết quả rà soát thường xuyên các văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định² công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hết hiệu lực toàn bộ và một phần theo quy định.

Thực hiện Công điện số 32/CĐ-TTg ngày 19/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 05/QĐ-BCĐ ngày 10/4/2026 của Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo³ triển khai đồng bộ nhiệm vụ tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành kế hoạch thực hiện; thành lập các tổ công tác; tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ, tập huấn chuyên môn và đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương rà soát, lập danh mục văn bản thuộc phạm vi quản lý, đề xuất phương án xử lý theo yêu cầu của Trung ương. Công tác rà soát đang được triển khai khẩn trương, bảo đảm tiến độ và chất lượng theo kế hoạch đề ra.

- Công tác tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật được các cơ quan, đơn vị thực hiện thường xuyên theo thẩm quyền. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp phối hợp với các sở, ban, ngành tổ chức rà soát, tự kiểm tra các văn bản thuộc lĩnh vực quản lý; đến nay chưa phát hiện văn bản có nội dung trái quy định của pháp luật. Đối với công tác kiểm tra theo thẩm quyền, Sở Tư pháp đã thành lập 02 đoàn kiểm tra để thực hiện kiểm tra văn bản tại các xã, phường theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời thường xuyên tiếp nhận, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do cấp xã gửi đến, góp phần nâng cao chất lượng công tác xây dựng và ban hành văn bản trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện chủ trương đổi mới lề lối làm việc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và yêu cầu cắt giảm tối thiểu 15% số lượng văn bản hành chính so với năm trước, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương rà soát quy trình xử lý công việc, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường sử dụng văn bản điện tử và xử lý công việc trên môi trường số. Đồng thời, chú trọng nâng cao chất lượng công tác tham mưu, hạn chế ban hành văn bản có nội dung trùng lặp, không cần thiết; thực hiện lồng ghép

² Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh

³ (i) Kế hoạch số 291/KH-UBND ngày 20/4/2026 của UBND tỉnh về tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh Nghệ An; (ii) Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 12/5/2026 thành lập các Tổ công tác triển khai nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh Nghệ An; (iii) Công văn số 964/STP-VB ngày 24/4/2026 của Sở Tư pháp về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ tổng rà soát (lần 1) để thực hiện tổng rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực được giao quản lý; (iv) Sở Tư pháp Công văn số 1180/STP-VB ngày 18/5/2026 hướng dẫn cụ thể các Sở, ban, ngành, địa phương lập danh mục văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi rà soát, dự kiến phương án xử lý và yêu cầu báo cáo kết quả rà soát lần 1; (v) Ngày 22/5/2026, tiến hành tổ chức tập huấn cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND xã, phường về hướng dẫn nghiệp vụ tổng rà soát trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

các nội dung chỉ đạo, điều hành trong cùng một văn bản nhằm giảm văn bản trung gian, văn bản chuyển tiếp.

Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tiếp tục được vận hành ổn định, kết nối liên thông 163 cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Trong 06 tháng đầu năm 2026, tổng số văn bản đến được xử lý trên hệ thống là 1.223.289 văn bản, trong đó 1.214.455 văn bản được lãnh đạo phê duyệt trên phần mềm; tổng số văn bản đi phát hành trên hệ thống là 182.360 văn bản, trong đó 175.177 văn bản được ký số. Tỷ lệ xử lý văn bản điện tử và ký số đạt mức cao, góp phần rút ngắn thời gian xử lý công việc, giảm chi phí hành chính và nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

Do việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày 01/7/2025 làm thay đổi tổ chức bộ máy, đầu mối cơ quan, đơn vị hành chính và phương thức quản lý dữ liệu trên hệ thống, hiện chưa có cơ sở dữ liệu đầy đủ, đồng nhất để xác định chính xác tỷ lệ cắt giảm số lượng văn bản hành chính so với thời điểm trước khi thực hiện mô hình mới. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy việc xử lý công việc trên môi trường điện tử ngày càng được tăng cường; nhiều nội dung chỉ đạo, điều hành được tích hợp trong cùng một văn bản, qua đó giảm đáng kể số lượng văn bản trung gian và văn bản chuyển tiếp. Điều này góp phần hạn chế việc ban hành văn bản không cần thiết, từng bước thực hiện mục tiêu tinh gọn hoạt động hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

2. Về đổi mới chế độ hội họp

- Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục quan tâm đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và trang thiết bị phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, bảo đảm kết nối thông suốt, ổn định và hiệu quả từ cấp tỉnh đến cơ sở. Hiện nay, 15/15 sở, ban, ngành cấp tỉnh và 130 đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh đã được trang bị phòng họp trực tuyến, kết nối đồng bộ với Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh, đáp ứng yêu cầu tổ chức các cuộc họp, hội nghị trực tuyến giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với các cơ quan, đơn vị, địa phương cũng như kết nối với Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương. Hệ thống được duy trì vận hành ổn định, thường xuyên được rà soát, bảo trì, nâng cấp, bảo đảm chất lượng âm thanh, hình ảnh và đường truyền, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành.

- Việc triển khai hội nghị, cuộc họp không giấy tờ tiếp tục được đẩy mạnh gắn với việc sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, chữ ký số và các nền tảng số dùng chung. Tài liệu phục vụ họp, hội nghị được số hóa, gửi trước trên môi trường điện tử; nhiều báo cáo, số liệu được trình bày bằng biểu đồ, dashboard, trình chiếu hoặc video ngắn, góp phần nâng cao hiệu quả truyền tải thông tin, giúp đại biểu dễ dàng theo dõi, nghiên cứu và tham gia ý kiến. Qua đó từng bước thay thế phương thức làm việc truyền thống, giảm chi phí in ấn, sao

chụp tài liệu, nâng cao hiệu quả điều hành và xây dựng môi trường làm việc số trong các cơ quan hành chính nhà nước.

- Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 03/6/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức 216 cuộc họp, hội nghị, trong đó có 28 cuộc họp, hội nghị được tổ chức theo hình thức trực tuyến (chiếm 12,96%). So với cùng kỳ năm trước, tổng số cuộc họp, hội nghị tăng 54 cuộc; số cuộc họp, hội nghị trực tuyến tăng 07 cuộc. Việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và tổ chức họp trực tuyến đã góp phần giảm thời gian đi lại, tiết kiệm chi phí tổ chức, đồng thời bảo đảm tính kịp thời trong công tác chỉ đạo, điều hành.

Công tác tổ chức các cuộc họp, hội nghị được thực hiện nghiêm túc theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định hiện hành. Các cuộc họp, hội nghị đều được xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, xác định rõ nội dung, thành phần tham dự, bảo đảm mời đúng đối tượng, đúng thẩm quyền, hạn chế tối đa việc triệu tập không cần thiết. Việc tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai nhiệm vụ được thực hiện theo hướng tinh gọn, thiết thực, bảo đảm thời lượng không quá 1/2 ngày; các hội nghị chuyên môn cơ bản không quá 01 ngày; đối với các hội nghị quan trọng cần thảo luận nhiều nội dung, thời gian tổ chức được bố trí phù hợp theo quy định. Chương trình làm việc được sắp xếp khoa học, giảm thời gian trình bày báo cáo, dành nhiều thời gian cho trao đổi, thảo luận, giải quyết các vấn đề trọng tâm, các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

Công tác chuẩn bị và điều hành hội nghị được thực hiện chặt chẽ, linh hoạt, bảo đảm chất lượng và hoàn thành các nội dung chương trình đề ra. Sau các cuộc họp, hội nghị, việc hoàn thiện hồ sơ, ban hành thông báo kết luận và triển khai thực hiện các nhiệm vụ được thực hiện kịp thời, bảo đảm chính xác, rõ người, rõ việc, rõ thời hạn; thông báo kết luận cuộc họp cơ bản được ban hành trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ khi kết thúc hội nghị, cuộc họp. Qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Về đổi mới phương thức làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc và cải cách thủ tục hành chính

- Thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế làm việc và mối quan hệ công tác theo hướng rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, bảo đảm nguyên tắc “một việc chỉ giao một cơ quan hoặc một cá nhân chủ trì, chịu trách nhiệm chính”. Đồng thời, tập trung rà soát, chuẩn hóa quy trình xử lý công việc, thủ tục hành chính và quy trình điện tử, bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện giữa cấp tỉnh và cấp xã.

Đề vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành 06 nghị quyết⁴, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 19 quyết định⁵ liên quan phân cấp, phân quyền; đồng thời tổ chức rà soát, hoàn thiện quy trình thực hiện, công bố thủ tục hành chính, tập huấn nghiệp vụ và hỗ trợ các địa phương trong quá trình triển khai nhiệm vụ mới.

Các sở, ban, ngành và địa phương đã tập trung rà soát, cập nhật, chuẩn hóa quy trình công tác, hồ sơ, thủ tục hành chính và quy trình điện tử thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước; đồng thời thực hiện công bố, công khai và tích hợp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh nhằm bảo đảm việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ được thực hiện thống nhất, đồng bộ giữa cấp tỉnh và cấp xã. Toàn tỉnh tiếp tục đẩy mạnh xử lý hồ sơ trực tuyến, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tăng cường sử dụng chữ ký số, văn bản điện tử và xử lý công việc trên môi trường mạng. 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, trả kết quả hồ sơ không phụ thuộc địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Hiện nay, toàn tỉnh thực hiện 2.028 nhiệm vụ quản lý nhà nước, gồm 1.710 nhiệm vụ cấp tỉnh và 318 nhiệm vụ cấp xã; trong đó có 651 nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền từ Trung ương chuyển giao cho địa phương kể từ ngày 01/7/2025. Qua rà soát, đánh giá của các sở, ngành và địa phương, phần lớn các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền cơ bản phù hợp với thực tiễn quản lý nhà nước theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện tại địa phương. Nhiều nhiệm vụ sau phân cấp đã góp phần rút ngắn thời gian xử lý công việc, giảm khâu trung gian, nâng cao tính chủ động, trách nhiệm của chính quyền các cấp và tạo thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp;

- Thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh đã đưa vào vận hành Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Nghệ An từ ngày 16/3/2022. Hệ thống được xây dựng bảo đảm tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử và

⁴ (1) Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; (2) Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; (3) Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; (4) Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND quy định phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp xã được ủy quyền cho công chức thuộc UBND cấp xã thực hiện trong lĩnh vực Tư pháp; (5) Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND quy định phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; (6) Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 12/02/2026 quy định tỷ lệ chi phí quản lý để thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh.

⁵ 16 Quyết định của UBND tỉnh gồm: Xây dựng 4; Nông nghiệp và Môi trường 1; Nội vụ 3; Tài chính 2; Văn hóa, Thể thao và Du lịch 1; Công Thương 1; Tư pháp 2; Dân tộc và Tôn giáo 2. 03 Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh gồm: Nông nghiệp và Môi trường 1; Tài chính 1; Nội vụ 1.

Khung công nghệ của Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, góp phần số hóa các chế độ báo cáo định kỳ, nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước, từng bước đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành từ dựa trên hồ sơ, văn bản giấy sang dựa trên dữ liệu số và thông tin được cập nhật theo thời gian thực.

Để bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản quy định, gồm: Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 650/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 công bố danh mục chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 09/2024/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Nghệ An. Trước khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Hệ thống đã được thiết lập cho 20 sở, ban, ngành, 21 Ủy ban nhân dân cấp huyện và 460 Ủy ban nhân dân cấp xã. Sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo rà soát, hiệu chỉnh chức năng, quy mô và cơ cấu quản trị Hệ thống phù hợp với mô hình tổ chức mới. Đến nay, Hệ thống đang được vận hành phục vụ 14 sở, ban, ngành và 130 Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Hiện nay, Hệ thống đã thiết lập và vận hành 07 chế độ báo cáo định kỳ, góp phần nâng cao chất lượng, tính kịp thời và độ chính xác của công tác tổng hợp, báo cáo; giảm đáng kể việc lập, gửi và lưu trữ báo cáo thủ công, tiết kiệm thời gian, chi phí hành chính cho các cơ quan, đơn vị. Đồng thời, Hệ thống được tích hợp nền tảng xác thực định danh điện tử, cho phép cán bộ, công chức, viên chức đăng nhập một lần để sử dụng, bảo đảm thuận tiện, an toàn thông tin và nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

- Việc thực hiện văn bản điện tử trên môi trường mạng tiếp tục được triển khai đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở. Đến nay, 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước (trừ văn bản thuộc phạm vi bí mật nhà nước) được thực hiện dưới dạng điện tử, ký số và xử lý trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành. Việc sử dụng chữ ký số, văn bản điện tử và hồ sơ điện tử được duy trì thường xuyên, với 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý sử dụng chữ ký số trong xử lý công việc. Tỉnh đã cấp 21.555 chứng thư số cho các cơ quan, đơn vị, địa phương; 100% sở, ban, ngành và 130/130 xã, phường được kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật phục vụ trao đổi, xử lý văn bản điện tử an toàn, thông suốt.

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo triển khai hiệu quả Kế hoạch số 671/KH-UBND về phát triển hạ tầng số; duy trì, nâng cấp mạng truyền số liệu chuyên dùng, Trục liên thông văn bản (LGSP), Hệ thống quản lý hồ sơ và công việc mật của Chính phủ và các nền tảng số dùng chung. Đến ngày 31/12/2025,

tỉnh đã hoàn thành 23/23 nhiệm vụ theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW; hoàn thành 100% nhiệm vụ đối với cả cấp tỉnh và 130/130 xã, phường, góp phần bảo đảm các điều kiện cần thiết để vận hành hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

- Hạ tầng số tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp; tỷ lệ phủ sóng 4G đạt 99,97% dân số, phủ sóng 5G đạt khoảng 70% dân số. 100% đơn vị cấp xã được trang bị cơ bản đầy đủ trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ xử lý công việc trên môi trường điện tử. Các nền tảng số dùng chung như Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh và Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được vận hành ổn định, kết nối thông suốt từ tỉnh đến cơ sở, góp phần nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành, giảm thời gian xử lý công việc và từng bước hình thành môi trường làm việc số trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh;

- Thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện; tập trung rà soát, sửa đổi, cập nhật và số hóa quy trình công tác, hồ sơ, thủ tục hành chính phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; đồng thời trang bị các điều kiện cần thiết để bảo đảm hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp và việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử không bị gián đoạn sau sắp xếp đơn vị hành chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục tập trung đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, với tiêu chí “3 tăng, 2 giảm, 2 không”⁶. Đến nay, 100% thủ tục hành chính sau khi công bố đã được tích hợp, công khai và đồng bộ thông tin tiếp nhận, xử lý hồ sơ đầy đủ, chính xác, thường xuyên trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ, ngành hoặc của tỉnh, bảo đảm đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính hiện được kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh điện tử VNeID và nhiều hệ thống chuyên ngành như hộ tịch điện tử, dịch vụ công liên thông, hệ thống thông tin đất đai VBDLIS... Đồng thời, tỉnh đang thực hiện kiểm thử kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia do Bộ Công an triển khai để phục vụ vận hành chính thức trong thời gian tới. Qua

⁶ “3 tăng”: Tăng tính công khai minh bạch, trách nhiệm trong thực thi công vụ; tăng cường giải quyết TTHC qua môi trường mạng; tăng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp “2 giảm”: Giảm thời gian thực hiện TTHC; giảm chi phí tuân thủ TTHC “2 không”: Không gây phiền hà, sách nhiễu; không trễ hẹn.

đó, việc tiếp nhận, xử lý và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân cơ bản được duy trì ổn định, thông suốt trong quá trình vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Từ ngày 20/6/2025 đến ngày 15/5/2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã công bố 3.091 thủ tục hành chính (2.598 thủ tục hành chính cấp tỉnh, 493 thủ tục hành chính cấp xã); phê duyệt 3.153 quy trình nội bộ, quy trình điện tử (2.726 cấp tỉnh, 427 cấp xã).

Theo số liệu tra cứu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đạt kết quả tích cực và có xu hướng tăng cao qua các tháng. Cụ thể, tỷ lệ số hóa đạt 97,82% trong Quý I/2026, 98,92% trong tháng 4/2026 và 97,05% trong tháng 5/2026. Tính chung đến thời điểm báo cáo, tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt trung bình 97,89%, góp phần nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, giảm giấy tờ, tiết kiệm thời gian và chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

4. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính

Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương quán triệt, triển khai nghiêm các quy định của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở và trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị tiếp tục tăng cường trách nhiệm nêu gương, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện nghiêm quy chế làm việc, nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc, chất lượng tham mưu, giải quyết công việc và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Đề tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác cải cách hành chính, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 16/4/2026 triển khai thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 19/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An; đồng thời ban hành Quyết định số 4211/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2026.

Trong 06 tháng đầu năm 2026, Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra tại các sở: Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ủy ban nhân dân các xã, phường: Vĩnh Tường, Môn Sơn, Vinh Hưng, Anh Sơn, Châu Khê, Tương Dương, Chiêu Lưu, Bắc Lý. Qua kiểm tra cho thấy, đa số cơ quan, đơn vị được kiểm tra đã quan tâm triển khai nghiêm túc các quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính; cán bộ, công chức cơ bản chấp hành tốt thời gian làm việc, nội quy, quy chế cơ quan; việc tiếp nhận, giải quyết công việc và thủ tục hành chính được thực hiện theo đúng quy định. Đặc biệt, các xã sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đã chủ động ổn định tổ chức bộ máy, duy trì nền nếp làm việc, bảo đảm hoạt

động thông suốt, phục vụ tốt nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Sau kiểm tra, Đoàn kiểm tra đã ban hành thông báo kết quả kiểm tra gửi các cơ quan, đơn vị được kiểm tra để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế; đồng thời phát huy những kết quả đạt được, góp phần nâng cao hiệu quả thực thi công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và chất lượng phục vụ Nhân dân trên địa bàn tỉnh;

- Bên cạnh công tác kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính, công tác thanh tra trách nhiệm trong thực thi công vụ cũng được quan tâm triển khai. Ngày 04/12/2025, Chánh Thanh tra tỉnh đã ban hành Quyết định số 748/QĐ-TTr phê duyệt Kế hoạch thanh tra năm 2026, theo đó thực hiện thanh tra tại 11 đơn vị, gồm 02 sở và 09 xã.

Đến thời điểm báo cáo, Thanh tra tỉnh đang triển khai thanh tra tại 02/11 đơn vị theo kế hoạch, gồm Sở Giáo dục và Đào tạo và xã Quỳnh Anh. Việc thanh tra được thực hiện theo đúng quy định, tập trung đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công và ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

Trong 06 tháng đầu năm 2026, việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, đạt nhiều kết quả tích cực. Nhận thức và trách nhiệm của người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức có nhiều chuyển biến; kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường; phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tiếp tục được đổi mới theo hướng khoa học, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành được thực hiện quyết liệt, thường xuyên; trách nhiệm người đứng đầu được đề cao thông qua việc triển khai nguyên tắc "6 rõ", góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ, hạn chế tình trạng chậm trễ, đùn đẩy trách nhiệm.

- Công tác xây dựng, ban hành và rà soát văn bản được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm chất lượng, tiến độ và đúng quy định; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tạo cơ sở pháp lý thống nhất trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Phương thức làm việc tiếp tục được đổi mới theo hướng hiện đại; việc ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số, xử lý công việc trên môi trường mạng được triển khai đồng bộ, góp phần rút ngắn thời gian xử lý công việc, nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính được đẩy mạnh; quy trình giải quyết công việc ngày càng công khai, minh bạch, thuận tiện hơn cho người dân và doanh nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và sự hài lòng của tổ chức, cá nhân.

- Chế độ hội họp được đổi mới theo hướng tinh gọn, thiết thực; tăng cường ứng dụng hội nghị trực tuyến, họp không giấy tờ, giảm thời gian hội họp, dành nhiều thời gian cho trao đổi, thảo luận và xử lý các vấn đề trọng tâm trong công tác chỉ đạo, điều hành.

- Công tác phân cấp, phân quyền được triển khai hiệu quả; mô hình chính quyền địa phương 02 cấp vận hành ổn định, thông suốt, phát huy tính chủ động, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và địa phương trong giải quyết công việc.

- Kỷ luật, kỷ cương hành chính tiếp tục được tăng cường; nhiều cơ quan, đơn vị đã quan tâm thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra trách nhiệm người đứng đầu, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ và chất lượng thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Công tác thông tin, tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện các quy định về lề lối làm việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính; tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ của tỉnh.

2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai lề lối làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế:

- Mặc dù đã được quan tâm triển khai, song ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương, việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về chấn chỉnh lề lối làm việc chưa đồng đều; công tác tự kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chưa được duy trì thường xuyên.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và thực hiện các quy định về lề lối làm việc tại một số cơ quan, đơn vị còn hạn chế; số lượng cuộc kiểm tra chưa nhiều, việc gắn trách nhiệm của tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu trong một số trường hợp chưa thật sự rõ nét.

- Việc rà soát, chuẩn hóa quy trình xử lý công việc ở một số lĩnh vực còn chậm; chất lượng tham mưu và giải quyết công việc tại một số thời điểm, một số đơn vị chưa cao, vẫn còn tình trạng xử lý công việc chậm tiến độ, chưa bảo đảm yêu cầu về thời gian theo quy định.

- Việc kết nối, liên thông dữ liệu giữa một số hệ thống phần mềm chuyên ngành của các Bộ, ngành Trung ương với các hệ thống dùng chung của tỉnh chưa đồng bộ, dẫn đến cán bộ, công chức phải sử dụng nhiều phần mềm trong quá trình xử lý công việc, làm ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý, theo dõi và tổng hợp thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước tại một số địa phương, nhất là cấp xã và khu vực miền núi còn thiếu hoặc chưa đồng bộ; hạ tầng công nghệ thông tin ở một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và đổi mới phương thức làm việc, đường truyền internet chưa thật sự ổn định.

- Trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế; kỹ năng khai thác, sử dụng các nền tảng số trong xử lý công việc chưa đồng đều, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai các nhiệm vụ về đổi mới phương thức làm việc, chuyển đổi số và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị.

- Việc tổ chức hội họp ở một số cơ quan, đơn vị tuy đã có chuyển biến nhưng chưa thực sự tinh gọn; vẫn còn tình trạng một số cuộc họp có nội dung trùng lặp, thời gian xử lý sau cuộc họp còn chậm, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

3.1 Nguyên nhân khách quan

- Năm 2026 là giai đoạn tiếp tục hoàn thiện và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, trong khi nhiều quy định về phân cấp, phân quyền, quy trình nghiệp vụ và phương thức quản lý mới đang trong quá trình hoàn thiện, dẫn đến một số khó khăn, lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện.

- Khối lượng công việc của các cơ quan hành chính nhà nước ngày càng lớn, yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao trong khi biên chế và nguồn nhân lực có hạn, gây áp lực đối với công tác quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Hệ thống phần mềm chuyên ngành của một số Bộ, ngành Trung ương chưa được kết nối, liên thông đồng bộ với các hệ thống dùng chung của địa phương; việc chia sẻ, khai thác dữ liệu giữa các hệ thống còn bất cập, ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý công việc và công tác chỉ đạo, điều hành.

- Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin tại một số địa phương, nhất là các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa còn khó khăn; chất lượng đường truyền mạng ở một số thời điểm chưa ổn định, ảnh hưởng đến việc triển khai các mô hình làm việc trên môi trường số.

- Trình độ tiếp cận và sử dụng công nghệ số của người dân chưa đồng đều, đặc biệt tại khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, làm ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính và đổi mới phương thức phục vụ.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Nhận thức của một số người đứng đầu về yêu cầu đổi mới lề lối làm việc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa thật sự đầy đủ; việc dành thời gian, nguồn lực cho công tác chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ.

- Ý thức trách nhiệm, tinh thần chủ động, sáng tạo của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ còn hạn chế; chất lượng tham mưu, phối hợp xử lý công việc ở một số lĩnh vực chưa đáp ứng yêu cầu, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng giải quyết nhiệm vụ.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và thực hiện các quy định về lề lối làm việc ở một số cơ quan, đơn vị chưa được quan tâm đúng mức; việc gắn trách nhiệm của tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu với kết quả thực hiện nhiệm vụ chưa thật sự rõ ràng và quyết liệt.

- Trình độ, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác các nền tảng số của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn chưa đồng đều; khả năng thích ứng với phương thức làm việc mới trong môi trường số còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý công việc.

- Tâm lý e ngại trách nhiệm, thói quen xử lý công việc thông qua hội họp trực tiếp vẫn còn tồn tại ở một số cơ quan, đơn vị; việc ứng dụng các công cụ điều hành điện tử và giao việc trên môi trường số chưa được khai thác hiệu quả.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ; thực hiện nghiêm nguyên tắc “6 rõ”, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, xử lý nghiêm các trường hợp né tránh, đùn đẩy trách nhiệm hoặc chậm trễ trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Rà soát, hoàn thiện quy chế làm việc, quy trình xử lý công việc và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị theo hướng rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, bảo đảm xử lý công việc thông suốt, hiệu quả, không chồng chéo, không bỏ sót nhiệm vụ; tiếp tục rà soát, chuẩn hóa quy trình giải quyết công việc và thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

3. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước; nâng cao hiệu quả sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số, hồ sơ điện tử, hệ thống thông tin báo cáo và các nền tảng số dùng chung trong giải quyết công việc; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành.

4. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế phối hợp, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện phân cấp, phân quyền; bảo đảm hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước thông suốt, hiệu lực, hiệu quả.

5. Tiếp tục đổi mới chế độ hội họp theo hướng tinh gọn, thiết thực, hiệu quả; hạn chế tối đa các cuộc họp kéo dài hoặc không thật sự cần thiết; không tổ chức hội nghị, cuộc họp quá 1/2 ngày đối với những nội dung không phức tạp; nâng cao chất lượng kết luận và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ sau hội họp.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ và trách nhiệm người đứng đầu; đẩy mạnh theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trên môi trường số; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, cảnh báo tiến độ; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế; gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ với công tác đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức và người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

7. Tập trung đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị phục vụ hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, nhất là tại các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin nhằm phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành.

8. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao khả năng thích ứng với môi trường làm việc số và yêu cầu đổi mới phương thức quản lý, điều hành trong giai đoạn hiện nay.

9. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện lề lối làm việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính; đồng thời tạo sự đồng thuận của người dân và doanh nghiệp trong quá trình triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An báo cáo Bộ Nội vụ tổng hợp./. 

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/c);
- BTV Tỉnh ủy (b/c);
- Ban Chỉ đạo phát triển KHCN, ĐMST, CDS, CCHC và ĐA 06 tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KSTT (V). 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thanh An

PHỤ LỤC

**Thông kê số liệu báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025
của Ban Bí thư và Quyết định số 534/QĐ-TTg ngày 31/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ
06 tháng đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An**
(Kèm theo Báo cáo số 495/BC-UBND ngày 10/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	NỘI DUNG <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thực hiện		So với cùng kỳ năm trước (+) tăng/ (-) giảm	So với kỳ báo cáo trước liền kề (+) tăng/ (-) giảm	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu			
1	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kế hoạch triển khai Kết luận số 226-KL/TW và Quyết định số 534/QĐ-TTg					
1.1	Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt					
	- Phổ biến, quán triệt	Hội nghị/cuộc họp	15			
	- Truyền thông, thông tin	Phóng sự, tin, bài, chuyên đề tuyên truyền				
1.2	Ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 226-KL/TW và Quyết định số 534/QĐ-TTg					
	- Ban hành Kế hoạch	Kế hoạch	1			
	- Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ	18			
	- Số nhiệm vụ hoàn thành trong kỳ báo cáo	Nhiệm vụ	10			
	- Số nhiệm vụ quá hạn	Nhiệm vụ	0			

TT	NỘI DUNG <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thực hiện		So với cùng kỳ năm trước (+) tăng/ (-) giảm	So với kỳ báo cáo trước liền kề (+) tăng/ (-) giảm	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu			
	- Tỷ lệ nhiệm vụ quá hạn	%	0			
1.3	Các văn bản chỉ đạo, đơn đốc khác	Văn bản				
2	Đổi mới nâng cao chất lượng ban hành văn bản					
2.1	Tổng số VBQPPL phải hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới trong năm (theo chương trình xây dựng VBQPPL)	Văn bản				
	- Số VBQPPL đã hoàn thành đúng hạn	Văn bản	33			
	- Số VBQPPL đã hoàn thành quá hạn	Văn bản	0			
	- Số VBQPPL chưa hoàn thành quá hạn	Văn bản	0			
2.2	Tỷ lệ văn bản được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định	%	100			
2.3	Tỷ lệ văn bản được tiếp thu, giải trình, báo cáo đánh giá tác động, thẩm định, thẩm tra theo quy định	%	100			
2.4	Ban hành Quy trình soạn thảo, kiểm soát, ban hành văn bản hành chính	Quy trình	1			
2.5	Ban hành quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật	Văn bản	1			
2.6	Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)					
	- Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	8			
	- Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100			

TT	NỘI DUNG <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thực hiện		So với cùng kỳ năm trước (+) tăng/ (-) giảm	So với kỳ báo cáo trước liền kề (+) tăng/ (-) giảm	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu			
	- Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0			
	- Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0			
2.7	Rà soát VBQPPL					
	- Số VBQPPL thuộc thẩm quyền đã rà soát	Văn bản	0			Đang thực hiện tổng rà soát
	- Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%				
	- Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0			
	- Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0			
2.8	Tổ chức thi hành pháp luật					
	- Số cuộc kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật	Cuộc	1			
	- Số vấn đề, vướng mắc phát hiện qua theo dõi thi hành pháp luật	Vấn đề	2			
	- Số vấn đề, vướng mắc đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý	Vấn đề	0			
2.9	Tỷ lệ văn bản hành chính ban hành được cắt giảm hằng năm (giảm 15%/năm)	%	-			
3	Đổi mới chế độ hội họp					
3.1	Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định về chế độ hội, họp	Quy định	1			
3.2	Số lượng hội nghị, cuộc họp		216			
	- Trực tuyến	Cuộc	28			
	- Trực tiếp	Cuộc	188			

TT	NỘI DUNG <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thực hiện		So với cùng kỳ năm trước (+) tăng/ (-) giảm	So với kỳ báo cáo trước liền kề (+) tăng/ (-) giảm	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu			
	- <i>Trực tiếp + trực tuyến</i>	Cuộc	-			
3.3	Đầu tư, nâng cấp hệ thống trang thiết bị phòng họp trực tuyến	Đồng	-			
3.4	Phòng họp trực tuyến	Phòng	145			
	<i>Tỷ lệ cuộc họp không giấy tờ (so với tổng số cuộc họp diễn ra trong kỳ báo cáo)</i>	%	45			
4	Đổi mới phương thức làm việc, đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin					
4.1	Rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị	Văn bản	1			
4.2	Sửa đổi bổ sung quy chế làm việc của UBND các cấp.	Quy chế	1			
4.3	Quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền	Văn bản	25			
4.4	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị thực hiện trên môi trường điện tử (trừ văn bản chứa bí mật nhà nước)	%	100			
4.5	Tỷ lệ kết nối chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu của tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	(b/a)*100	100			
	- <i>Tổng số chế độ báo cáo, nội dung thông tin, dữ liệu yêu cầu phải kết nối, cung cấp.</i>	a	8			

TT	NỘI DUNG <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thực hiện		So với cùng kỳ năm trước (+) tăng/ (-) giảm	So với kỳ báo cáo trước liền kề (+) tăng/ (-) giảm	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu			
	- Số lượng chế độ báo cáo, nội dung thông tin, dữ liệu đã kết nối, cung cấp đầy đủ, kịp thời.	b	8			
4.6	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100			
4.7	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử					
	- Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành của cấp tỉnh đến cấp xã	%	100			
	- Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100			
4.8	Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính					
	- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Thủ tục	2274			
	- Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Thủ tục	-			
	- Số TTHC cắt giảm, đơn giản hóa theo phương án đã phê duyệt (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Thủ tục	-			
	- Số TTHC công bố mới	Thủ tục	430			
	- Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	270			
4.9	Thực hiện và xử lý TTHC trên môi trường số	%				
	a) Tổng số TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Thủ tục	2274			
	- Số TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Thủ tục	997			

TT	NỘI DUNG <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thực hiện		So với cùng kỳ năm trước (+) tăng/ (-) giảm	So với kỳ báo cáo trước liền kề (+) tăng/ (-) giảm	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu			
	- Số TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần	Thủ tục	1277			
	b) Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100			
	- Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	Thủ tục	997			
	- Số lượng DVCTT toàn trình	Thủ tục	997			
	c) Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	68,38			
	- Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	Thủ tục	408			
	- Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	279			
	d) Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	87,62			
	- Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Thủ tục	75.075			
	- Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Thủ tục	65.781			
	đ) Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC					
	- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn	%	99,14			
	- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trễ hạn	%	0,86			
	e) Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	Đã triển khai = 1 Chưa triển khai = 0	1			

TT	NỘI DUNG <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thực hiện		So với cùng kỳ năm trước (+) tăng/ (-) giảm	So với kỳ báo cáo trước liền kề (+) tăng/ (-) giảm	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu			
	- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	%	97,89			
	- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	%	97			
	g) Bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng lãnh đạo, quản lý trong môi trường số (Số CBCCVC đạt chuẩn kỹ năng số...)	Lượt người				
	h) Ứng dụng trợ lý ảo, AI vào công việc (Số quy trình áp dụng AI/trợ lý ảo);	Phần mềm/Nền tảng				
1.	Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính					
5.1	Số cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành	Cuộc				
	- Cấp tỉnh	Cuộc	04			
	- Cấp xã	Cuộc	09			
5.2	Số cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật	Người				
	- Lãnh đạo cấp tỉnh	Người	0			
	- Lãnh đạo tổ chức, đơn vị thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	Người	0			
	- Lãnh đạo UBND cấp xã/Lãnh đạo phòng thuộc UBND cấp xã	Người	0			
	- Viên chức lãnh đạo cấp phòng trở lên của đơn vị sự nghiệp công lập	Người	0			



TT	NỘI DUNG <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thực hiện		So với cùng kỳ năm trước (+) tăng/ (-) giảm	So với kỳ báo cáo trước liền kề (+) tăng/ (-) giảm	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu			
5.3	Xây dựng tiêu chí đánh giá, xếp loại người đứng đầu và tiêu chí thi đua khen thưởng hằng năm về thực hiện Kết luận số 266-KL/TW	Văn bản	1			